

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Thọ;

Bà Vi Thị Quý.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định,
tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số
75/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
04/2025/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị O, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã K,
huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã K,
huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- ***Người tham gia tố tụng khác:***

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ái C; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T,
tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Huy C đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn thì chị và anh C có được tìm hiểu nhau, chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà anh C ở Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn sống. Thời gian đầu hai vợ chồng chị chung sống bình thường, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, anh C bỏ bê gia đình, không quan tâm giúp chị chăm sóc con cái. Anh C đi làm công nhân ở Thái Nguyên nhưng không gửi tiền về cho chị bao giờ, chị phải tự một mình đi làm kiếm tiền chăm lo cho con cái, lo cho gia đình. Chị và anh C cũng có nhiều lần cãi nhau do không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình cũng có khuyên bảo anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đến tháng 3/2024 thì chị và anh C sống ly thân nhau, chị dọn ra chỗ khác ở. Từ lúc chị và anh C ly thân cho đến nay thì anh C cũng không đến tìm chị lần nào nữa. Anh C không hỏi thăm, quan tâm gì đến chị, anh C mặc kệ chị muốn sống thế nào thì sống, bản thân chị từ lúc ly thân đến nay thì chị cũng không hỏi thăm gì anh C. Nay chị không còn tình cảm với anh C nên chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 05/8/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Anh K và Nguyễn Thế Q. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/01 người/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn anh Nguyễn Huy C lên Tòa án lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn anh C không hợp tác, không lên Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh C được.

Người làm chứng Ông Nguyễn Ái C là bố đẻ của anh C trình bày: Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đều đã thông báo lại cho anh C nội dung các văn bản tố tụng, anh C đã nắm được nội dung của vụ việc, tuy nhiên do anh C bận công việc nên không đến phiên tòa được. Hiện nay chị O và anh C đã sống ly thân nhau, hai con của chị O và anh C hiện nay vẫn đang học tập tại xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Bình thường ông vẫn hỗ trợ anh C chăm sóc, nấu ăn, đưa đón các cháu đi học. Anh C đi làm công ty nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông nuôi các con. Anh C vẫn về thăm các con. Ông vẫn nhất trí chăm sóc các con cho anh C, giúp đỡ anh C nuôi dưỡng đưa đón các cháu đi học, tuy nhiên hàng tháng anh C, chị O phải có trách nhiệm gửi tiền về cho ông để nuôi các con. Quan điểm của ông là vẫn muốn chị O và anh C quay lại với nhau để cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên trường hợp chị O và anh C không thể quay lại

với nhau được nữa thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Lương Thị O đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị O, cho chị O được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 05/8/2018 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị O có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/01 người/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, vay chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị O phải chịu án phí theo quy định. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Lương Thị O và anh Nguyễn Huy C đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lương Thị O, bị đơn anh Nguyễn Huy C, người làm chứng Ông Nguyễn Ái C đều vắng mặt. Tuy nhiên nguyên đơn chị Lương Thị O đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng Ông Nguyễn Ái C đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, phiên tòa đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai. Do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Lương Thị O và anh Nguyễn Huy C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật

hôn nhân và gia đình 2014. Trong cuộc sống gia đình giữa chị O và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, có nhiều điểm không hòa hợp. Hiện nay chị O và anh C đã sống ly thân, hai bên mặc kệ nhau muốn sống thế nào thì sống, bản thân chị O cũng không còn tình cảm với anh C. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị O và anh C không đạt được, bản thân chị O và anh C cũng đã ly thân, không còn chung sống với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị O xin ly hôn với anh Nguyễn Huy C là có căn cứ và được chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Lương Thị O và anh Nguyễn Huy C có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 05/8/2018. Hiện nay hai con của chị O và anh C vẫn đang sống cùng bố của anh C là Ông Nguyễn Ái C và đang học tập tại xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Bình thường Ông C vẫn hỗ trợ anh C chăm sóc, nấu ăn, đưa đón các cháu đi học. Anh C đi làm công ty nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền về cho Ông C nuôi các con. Anh C vẫn về thăm các con. Ông C vẫn nhất trí chăm sóc các con cho anh C, giúp đỡ anh C nuôi dưỡng đưa đón các cháu đi học. Xét thấy, yêu cầu của chị O, khi ly hôn anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Anh K và Nguyễn Thế Q đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị O có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/01 người/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận. Về thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về phương thức cấp dưỡng, ấn định phương thức cấp dưỡng theo tháng.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thanh toán nêu trên thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lương Thị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 229; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị O. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Huy C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 24/4/2014 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 05/8/2018 cho anh Nguyễn Huy C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị O có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thanh toán nêu trên thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Lương Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001895 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lương Thị O phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Thị O, bị đơn anh Nguyễn Huy C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn,
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiễn